|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập- Tự do- Hạnh phúc** |

**BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT DỰ THẢO THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP, PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN TRONG LĨNH VỰC THỦY LỢI KHI TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG HAI CẤP**

| **STT** | **Văn bản rà soát bổ sung** | **Nội dung được sửa đổi bổ sung thay thế** | **Nội dung dự thảo văn bản** | **Thuyết minh** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***(1)*** | ***(2)*** | ***(3)*** | ***(4)*** | ***(5)*** |
| **1. Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thônquy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi đã được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.** |
| **1** | **Điểm d khoản 1 Điều 6** | d) Lấy ý kiến của tổ chức thủy lợi cơ sở, tổ chức khai thác công trình thủy lợi, các cơ quan, tổ chức liên quan đối với Dự thảo quy trình vận hành công trình thủy lợi | d) Lấy ý kiến của tổ chức khai thác công trình thủy lợi, các cơ quan, tổ chức liên quan đối với Dự thảo quy trình vận hành công trình thủy lợi;”  | Vì thực chất tổ chức thuỷ lợi cơ sở là tổ chức khai thác công trình thuỷ lợi nhỏ tại cấp cơ sở |
| **2** |  **Điểm c khoản 2 Điều 7** | c) Lấy ý kiến của các tổ chức, cơ quan đơn vị liên quanTổng cục Thủy lợi có trách nhiệm lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các đơn vị liên quan đối với quy trình vận hành công trình thủy lợi quan trọng đặc biệt và công trình mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên;**Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** có trách nhiệm lấy ý kiến **Ủy ban nhân dân cấp huyện** và các cơ quan có liên quan đối với Dự thảo quy trình vận hành công trình thủy lợi trên địa bàn, trừ quy trình vận hành công trình thủy lợi nhỏ.  | c)Lấy ý kiến của các tổ chức, cơ quan đơn vị liên quan**Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợ*i*** có trách nhiệm lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các đơn vị liên quan đối với quy trình vận hành công trình thủy lợi quan trọng đặc biệt; công trình thủy lợi mà việc liên quan đến 02 tỉnh trở lên, có tính chất nguồn nước phức tạp và có nguy cơ xảy ra tranh chấp về sử dụng nước từ công trình thủy lợi;**Sở Nông nghiệp và Môi trường** có trách nhiệm lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan đối với Dự thảo quy trình vận hành công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, trừ quy trình vận hành công trình thủy lợi trên địa bàn một xã .Cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi ***cấp xã*** có trách nhiệm lấy ý kiến tổ chức thủy lợi cơ sở và các cơ quan liên quan trên địa bàn đối với quy trình vận hành công trình thủy lợi do Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.  | Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện |
|  | **Điểm c khoản 3 Điều 7** |  c) Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về thủy lợi cấp huyện là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành công trình do **Ủy ban nhân dân cấp huyện** được phân cấp phê duyệt. | c) Cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý nhà nước về thủy lợi **cấp xã** là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thẩm định quy trình vận hành công trình do **Ủy ban nhân dân cấp xã** phê duyệt | Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện |
| **3** | **Khoản 1, khoản 2 Điều 9** | 1. **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** phê duyệt quy trình vận hành công trình thủy lợi quan trọng đặc biệt và công trình mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên.2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy trình vận hành công trình thủy lợi hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt quy trình vận hành công trình thủy lợi trên địa bàn, trừ công trình thủy lợi quy định tại khoản 1 và công trình thủy lợi nhỏ | Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 tại Điều 9“1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt quy trình vận hành công trình thủy lợi do Bộ quản lý trực tiếp; “2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy trình vận hành công trình thủy lợi có liên quan đến 02 tỉnh trở lên được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp quản lý hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt quy trình vận hành công trình thủy lợi trên địa bàn từ 02 xã trở lên, trừ công trình thủy lợi quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này;  | Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện |
| **4** | **Khoản 1, khoản 3 Điều 15** | 1. **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** quản lý công trình thủy lợi quan trọng đặc biệt.3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý hoặc phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều này. | “1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý công trình thủy lợi do Bộ quản lý trực tiếp.“3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý công trình thủy lợi quan trọng đặc biệt; công trình thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến 02 tỉnh trở lên được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp quản lý hoặc phân cấp cho ***Ủy ban nhân dân cấp xã*** quản lý công trình thủy lợi trên địa bàn căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều này. | Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện |
| **5** | **Khoản 2 Điều 17** | 2. Đối với công trình thủy lợi **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, công trình do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý hoặc phân cấp cho **Ủy ban nhân dân cấp huyện** quản lý, **Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp khai thác công trình thủy lợi và tổ chức, cá nhân có liên quan xác định quy mô thủy lợi nội đồng, phân cấp quản lý công trình thủy lợi trong phạm vi tỉnh và vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. | “2. Đối với công trình do ***Bộ Nông nghiệp và Môi trường*** phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý; công trình do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho ***Ủy ban nhân dân cấp xã*** quản lý:a) ***Sở Nông nghiệp và Môi trường*** chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân cấp quản lý công trình thủy lợi trong phạm vi tỉnh và quy mô thủy lợi nội đồng;b) Tổ chức, cá nhân cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi thuộc địa phương có trách nhiệm phối hợp với tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi xác định cụ thể vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi. | Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện |
| **6** | **Khoản 1 Điều 24** | 1. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với **Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã** nơi có công trình, công bố công khai phương án cắm mốc chỉ giới, tổ chức cắm mốc chỉ giới trên thực địa và bàn giao mốc chỉ giới cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình để phối hợp quản lý, bảo vệ. | 1. Chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với **Ủy ban nhân dân cấp xã** nơi có công trình, công bố công khai phương án cắm mốc chỉ giới, tổ chức cắm mốc chỉ giới trên thực địa và bàn giao mốc chỉ giới cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình để phối hợp quản lý, bảo vệ. | Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện |
| **7** | **Phụ lục II**  | Danh mục phân cấp quản lý công trình thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến hai tỉnh trở lên **(gồm 27 công trình)** | Danh mục phân cấp quản lý công trình thủy lợi mà việc khai thác và bảo vệ liên quan đến hai tỉnh trở lên **(gồm 20 công trình)** | Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện |
| **8** | **Thông tư quy định các cụm từ**  | **“Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”**, **“Tổng cục Thủy lợi”**, **“Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”**  | Thay thế bằng các cụm từ **“Bộ Nông nghiệp và Môi trường”**, **“Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, “Sở Nông nghiệp và Môi trường”**  | Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện |
| **2. Thông tư số 23/2022/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2022 của Bộ Nông nghiệp & PTNT Hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn** |
| **1** | **Khoản 2, 3 Điều 6** | 2. Trước ngày 30 tháng 3 của năm trước kỳ kế hoạch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi văn bản hướng dẫn **Ủy ban nhân dân cấp huyện**, cấp xã; đơn vị cấp nước về việc đề xuất nội dung kế hoạch.3. Trước ngày 30 tháng 4 của năm trước kỳ kế hoạch, **Ủy ban nhân dân cấp huyện**, cấp xã, đơn vị cấp nước đề xuất nội dung kế hoạch và danh mục công trình đáp ứng yêu cầu tại Điều 4 Thông tư này, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Nội dung đề xuất theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. | 2. Trước ngày 30 tháng 3 của năm trước kỳ kế hoạch, **Sở Nông nghiệp và Môi trường** gửi văn bản hướng dẫn **Ủy ban nhân dân cấp xã**; đơn vị cấp nước về việc đề xuất nội dung kế hoạch3. Trước ngày 30 tháng 4 của năm trước kỳ kế hoạch, **Ủy ban nhân dân cấp xã**, đơn vị cấp nước đề xuất nội dung kế hoạch và danh mục công trình đáp ứng yêu cầu tại Điều 4 Thông tư này, gửi **Sở Nông nghiệp và Môi trường**. Nội dung đề xuất theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này | Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện |
| **2** | **Điểm a, b khoản 2 Điều 7** | a) Trước ngày 30 tháng 3 của năm xây dựng kế hoạch điều chỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi văn bản hướng dẫn **Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã;** đơn vị cấp nước về việc đề xuất nội dung kế hoạch điều chỉnh;b) Trước ngày 30 tháng 4 của năm điều chỉnh kế hoạch, **Ủy ban nhân dân cấp huyện**, cấp xã; đơn vị cấp nước đề xuất nội dung thực hiện cấp nước an toàn và danh mục công trình điều chỉnh đáp ứng yêu cầu tại Điều 4 Thông tư này, gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Nội dung và danh mục công trình đề xuất điều chỉnh thực hiện theo Phụ lục I Thông tư này; | a) Trước ngày 30 tháng 3 của năm xây dựng kế hoạch điều chỉnh, **Sở Nông nghiệp và Môi trường** gửi văn bản hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã; đơn vị cấp nước về việc đề xuất nội dung kế hoạch điều chỉnh;b) Trước ngày 30 tháng 4 của năm điều chỉnh kế hoạch, **Ủy ban nhân dân cấp xã**; đơn vị cấp nước đề xuất nội dung thực hiện cấp nước an toàn và danh mục công trình điều chỉnh đáp ứng yêu cầu tại Điều 4 Thông tư này, gửi **Sở Nông nghiệp và Môi trường**; Nội dung và danh mục công trình đề xuất điều chỉnh thực hiện theo Phụ lục I Thông tư này;  | Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện |
| **3** | **Khoản 1 Điều 16** | 1. Tổng hợp kết quả thực hiện và hướng dẫn kiểm tra, đánh giá độc lập kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên phạm vi toàn quốc. | 1. Tổng hợp kết quả, hướng dẫn kiểm tra, đánh giá độc lập và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn trên phạm vi toàn quốc. | Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện |
| **4** | **Điều 18** | **Điều 18: Ủy ban nhân dân cấp huyện**1. Phối hợp thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đối với các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn.2. Phối hợp xây dựng thông tin, dữ liệu về bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn.3. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện cấp nước an toàn cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này. | Bãi bỏ Điều này | Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện |
| **5** | **Khoản 2 Điều 19** | 2. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện cấp nước an toàn cho Ủy ban nhân cấp huyện theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này. | **Bổ sung khoản 1a, khoản 1b vào sau khoản 1 và sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 19****1a. Phối hợp và giám sát thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đối với các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung trên địa bàn.****“1b. Phối hợp xây dựng thông tin, dữ liệu về bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn.**“2. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện cấp nước an toàn cho Ủy ban nhân cấp tỉnh, **Sở Nông nghiệp và Môi trường** theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này. | Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện |
| **6** | **Khoản 3 Điều 20** | Hằng năm, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, **Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã** về kết quả phê duyệt và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đối với các công trình do đơn vị quản lý theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này. | Hằng năm, báo cáo Sở **Nông nghiệp và Môi trường**, **Ủy bannhân dân cấp xã** về kết quả phê duyệt và thực hiện kế hoạch cấp nướcan toàn đối với các công trình do đơn vị quản lý theo Phụ lục VI ban hành kèmtheo Thông tư này | Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện |
| **7** | **Thông tư quy định các cụm từ**  | **“Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”**, **“Tổng cục Thủy lợi”**, **“Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn”**  | Thay thế bằng các cụm từ **“Bộ Nông nghiệp và Môi trường”**, **“Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, “Sở Nông nghiệp và Môi trường”**  | Theo định hướng sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 thực hiện mô hình địa phương 02 cấp, không tổ chức cơ quan chuyên môn cấp huyện |